TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỐT NỐT** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2023
"*V/v tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, TP. CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Trung Thu**.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Trần Thúy Kiên**.
2. Bà **Lê Cẩm Huỳnh**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Trung Hiếu** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ *tham gia phiên toà:* Ông **Võ Hoài Thương** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2023/QĐST–HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. N đơn: Ông **Nguyễn Đường H**, sinh năm 1982 (Có mặt)
Địa chỉ: Khu vực P, phường T, quận TN, thành phố CT.
2. Bị đơn: Bà **Võ Tuyết S**, sinh năm 1986. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu vực P, phường T, quận TN, thành phố CT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 16.8.2022 và quá trình giải quyết vụ án N đơn ông Nguyễn Đường H trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Võ Tuyết S sau thời gian tìm hiểu tiến đến hôn nhân vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận TN theo số đăng ký 243, quyển

số 01, ngày 08.7.2008. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do làm ăn thua lỗ, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vả, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Năm 2019, ông bà sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay ông H xác định không còn tình cảm với bà S nên ông yêu cầu ly hôn. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

Về con chung: Ông, bà có một con chung tên Nguyễn Tường N (nam), sinh ngày: 14.9.2008. Từ khi ông và bà S ly thân cho đến nay, con chung đều do ông nuôi dưỡng. Khi ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập bà S tham gia tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bà S đều vắng mặt và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của N đơn nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và lấy lời khai của bà Trần Thị K – là mẹ ruột của bà Võ Thị Tuyết S về quan hệ hôn nhân, con chung và mâu thuẫn của bà S và ông H. Lời khai của bà K cung cấp phù hợp với lời trình bày của ông H.

Tại phiên tòa: Ông H yêu cầu ly hôn với bà Võ Tuyết S và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, ông không yêu cầu bà S cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Nguyễn Đường H được ly hôn với bà Võ Tuyết S.

- Về con chung: Ông bà có một con chung tên Nguyễn Tường N (nam), sinh ngày: 14.9.2008. Giao cháu N cho ông H nuôi dưỡng, bà S không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết trong cùng vụ án, khi đương sự có yêu cầu sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Xét quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn Đường H và bà Võ Tuyết S là tự nguyện. Ông bà tiến tới hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ông H có đơn khởi kiện ly hôn đối với bà S nên Tòa án thụ lý xem xét, giải quyết theo thủ tục chung.

[2] *Về tố tụng:* Bị đơn bà Võ Tuyết S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà Võ Tuyết S.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của ông H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình chung sống giữa ông H và bà S phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông bà làm ăn thua lỗ, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn dẫn đến ông bà thường xuyên cải vả. Mặc dù, ông H và bà S đã tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng vẫn không thể khắc phục được, từ đó hạnh phúc vợ chồng không còn. Năm 2019, ông H và bà S sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tại phiên tòa, ông H cương quyết yêu cầu ly hôn, riêng bà S dù đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu ly hôn của ông H nhưng bà S không có ý kiến. Từ đó, cho thấy thái độ không quan tâm, bỏ mặc của bà S. Xét vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng nay ông H xác định không còn tình cảm với bà S, ông bà có thời gian sống ly thân dài bà S lại không đưa ra biện pháp hàn gắn gia đình cho thấy hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cho ông Nguyễn Đường H được ly hôn với bà Võ Tuyết S.

[4] *Về con chung*: Ông, bà có một con chung tên Nguyễn Tường N (nam), sinh ngày: 14.9.2008. Xét hiện nay con chung do ông H nuôi dưỡng, khi

ly hôn ông H cũng có yêu cầu tiếp tục nuôi con. Cháu N cũng có ý kiến muốn ông H là người trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung cho ông H tiếp tục nuôi con là phù hợp. Ngoài ra, xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên người được quyền yêu cầu cấp dưỡng không có văn bản yêu cầu bà S thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định nên Hội đồng xét xử không buộc bà S phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không giải quyết trong cùng vụ án, khi đương sự có yêu cầu sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

[6] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Ông Nguyễn Đường H phải nộp theo quy định pháp luật.

[7] Xét đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39,91, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** <u>Tuyên án</u>**:

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Chấp nhận cho ông Nguyễn Đường H được ly hôn với bà Võ Tuyết S.

2. **Về con chung:** Ông bà có một con chung tên Nguyễn Tường N (nam), sinh ngày: 14.9.2008. Giao cháu N cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, bà S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho bà S không ai được quyền ngăn cản. Ông H, bà S có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con vì lợi ích của con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết trong cùng vụ án, khi đương sự có yêu cầu sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

4. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Đường H phải chịu tiền án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004811 ngày 05 tháng

12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ. Công nhận ông H đã nộp xong.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận TN;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đoàn Thị Trung Thu